

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2018

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Xuân Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tòng

2. Ông Nguyễn Xuân Tĩnh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:* Không

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Hồng K - Sinh năm:1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm:1991 (Vắng mặt)

HKTT: Thôn B, xã M, huyện C, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở: Thôn T, xã D, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2018 và bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn là anh Phạm Hồng K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Hồng K và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 27/5/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, Tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2/2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va

chạm, xúc phạm nhau. Đến tháng 6/2015 chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh K đã từng làm đơn xin ly hôn chị N tại TAND huyện G nhưng được Tòa án hòa giải nên anh K đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc nên có nguyện vọng xin ly hôn chị N.

- Về con chung: Anh K trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Phạm Như Q, sinh ngày 03/9/2013 và Phạm Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/01/2016, anh K có nguyện vọng để chị N nuôi 02 con chung.

- Về tài sản: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2018 và biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn ngày 27/5/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, Tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 2/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau. Khoảng tháng 6 năm 2015 chị N về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã từng làm đơn ly hôn, tòa hòa giải lại quay về đoàn tụ nhưng vẫn không chung sống hạnh phúc được. Nay anh K làm đơn xin ly hôn, chị N không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị N trình bày, vợ chồng có 02 con chung là Phạm Như Q, sinh ngày 03/9/2013 và Phạm Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/01/2016, chị N có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Hồng K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 27/5/2013 được UBND xã M, huyện C, Tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị N và anh K sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm. Khi mâu thuẫn lên đỉnh điểm thì chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng xin ly hôn, chị N không muốn ly hôn. Hội đồng xét xử thấy anh K và chị N đã sống ly thân 3 năm nay, không quan tâm đến nhau. Thời gian sống hạnh phúc chỉ được 1 năm nhưng mâu thuẫn đã 4 năm. Anh K đã từng viết đơn xin ly hôn chị N tại Tòa án nhân dân huyện G, Tòa án đã hòa giải anh K rút đơn quay về đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không sống được với nhau mà vẫn ly thân và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xây dựng gia đình hạnh phúc phải dựa trên tình cảm yêu thương nhau, vì vậy nguyện vọng đoàn tụ của chị N là không có cơ sở. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, không thể có hạnh phúc được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, cho anh K ly hôn chị N để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống.

[3] *Về con chung*: Anh K và chị N có 02 con chung là Phạm Như Q, sinh ngày 03/9/2013 và Phạm Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/01/2016, anh K có nguyện vọng để chị N nuôi 02 con chung. Chị N có nguyện vọng xin nuôi cả 02 con. Hội đồng xét xử thấy cần giao 02 con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của hai bên để tạo điều kiện cho các cháu được chăm sóc, phát triển về mọi mặt.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản*: Anh K và chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiêu mục 1.1 Mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

- Về hôn nhân: Xử cho Anh Phạm Hồng K được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Như Q, sinh ngày 03/9/2013 và Phạm Nguyễn Bảo T, sinh ngày 13/01/2016. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh K và chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005566 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Anh K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự TG ;
- UBND xã M;
- các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Dũng